

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30/01/2018

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Anh

2. Ông Trịnh Xuân Tháp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 450/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1981.

Nơi ĐKKHKT: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà X, ấp C, xã L, huyện V, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt).

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1975.

Nơi ĐKKHKT: Ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà N, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc M và Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyền số 01/2005 ngày 08/3/2005. Quá trình chung sống vợ chồng chị M hạnh phúc đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H đã thay đổi tính tình chửi bới vợ con và nhiều lần đuổi chị ra khỏi nhà. Anh H

không chăm lo cho gia đình về kinh tế, không quan tâm và ngày càng xa lánh không gần gũi với chị M. Cuối năm 2014 chị đã nộp đơn khởi kiện ly hôn đến Tòa án, Tòa án đã tổ chức hòa giải, nghĩ đến con nên chị đã rút đơn về cho anh H cơ hội sửa đổi tính tình, quan tâm gần gũi chị hơn nhưng anh H vẫn không thay đổi. Từ khoảng tháng 8 năm 2017 cho đến nay chị và anh H đã sống ly thân, trong quá trình sống ly thân chị và anh H không gặp nhau để hòa giải, không quan tâm đến nhau. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Chị M và anh H có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Phi V, sinh ngày 12/01/2006. Hiện nay cháu V đang ở cùng với chị M nên chị M yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V sau khi ly hôn, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Chị M đang sống cùng với bố mẹ ruột tại ấp C, xã L và làm công nhân Công ty Changshin thu nhập hàng tháng là khoảng 10.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Chị M và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 28/12/2017, bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Ngọc M tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyền số 01/2005 ngày 08/3/2005. Anh và chị M chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng anh bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Cuối năm 2014 chị M cũng đã nộp đơn đến Tòa án, anh và chị M đã hòa giải hàn gắn tình cảm với nhau nên chị M đã rút đơn khởi kiện ly hôn. Sau đó anh và chị M về chung sống lại phát sinh mâu thuẫn nên khoảng tháng 8 năm 2017 chị M về nhà bố mẹ ruột tại ấp C, xã L sinh sống cho đến nay. Nay anh H thấy tình cảm vợ chồng cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh Nguyễn Văn H cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh H và chị M có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Phi V, sinh ngày 12/01/2006. Hiện nay cháu V đang ở cùng với chị M nên anh H đồng ý giao cháu V cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn, tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh H và chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số nhà N, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau từ năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 01/2005 ngày 08/3/2005; Căn cứ vào các Điều 11, 12, 13, 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân giữa chị M và anh H được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc M là có cơ sở chấp nhận bởi vì: Vợ chồng phải có nghĩa vụ chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc.

Tuy nhiên, trong thời gian chung sống vợ chồng chị M và anh H đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H thay đổi tính tình, không chăm lo cho gia đình về kinh tế nên vợ chồng chị M thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Anh H không quan tâm và ngày càng xa lánh không gần gũi với chị M nên vợ chồng chị M đã sống ly thân từ khoảng tháng 6 năm 2017 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên họp hòa giải để đoàn tụ nhưng anh Nguyễn Văn H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải nhằm khắc phục mâu thuẫn giữa vợ chồng chị M và anh H được. Đồng thời anh Nguyễn Văn H có lời khai trình bày ý kiến đồng ý ly hôn với chị M do không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị M và anh H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của chị M là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị M, anh H có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Phi V, sinh ngày 12/01/2006. Tại phiên tòa hôm nay chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị M, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cháu V hiện nay đang ở với chị Mai và theo nguyện vọng của cháu V được ở với chị M. Chị M làm công nhân, có thu nhập và nơi cư trú ổn định. Do vậy, cần giao cháu V cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

* Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Thẩm quyền giải quyết vụ án, việc thu thập chứng cứ, thời hạn giải quyết vụ án, gửi hồ sơ và tổng đặt các văn bản tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

+ Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần hợp lệ và có đơn xin giải quyết vắng mặt; căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc M, cho chị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

+ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Phi V, sinh ngày 12/01/2006 cho chị Nguyễn Thị Ngọc M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện V phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đúng quy định pháp luật; phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 11, 12, 13, 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc M về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Phi V, sinh ngày 12/01/2006 cho chị Nguyễn Thị Ngọc M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000753 ngày 23/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Chị Nguyễn Thị Ngọc M đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKS H.V;
- THA H.V;
- Các đương sự;
- UBND xã T,
- H. V, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Lâm